TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 109/2024/HSST
Ngày: 04 - 06 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Phạm Thị Nhung;
- Ông Nguyễn Đình Thức.

Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, TP . xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 89/2024/HSST ngày 19 tháng 04 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 05 năm 2024, đối với bị cáo:

Lâm Phước N; sinh năm 1984, tại: TP .; Nơi đăng ký NKTT: 1352/26 đường C, Phường B, Quận A, TP .; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Quang C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1964;Vợ, con : chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 21/11/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C (Cơ sở T30) Công an T4 và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Công ty TNHH S1; địa chỉ: E L, phường P, quận T, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: bà Đỗ Thị H, sinh năm 1983; chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/8/2016, chị Đỗ Thị H là Giám đốc Công ty TNHH S1 ký hợp đồng lao động với Lâm Phước N nhiệm vụ của N là tìm kiếm khách hàng, ghi nhận đơn hàng sau đó báo về công ty để xuất hàng đi giao cho khách. Sau khi khách nhận hàng và ký đầy đủ các chứng từ, nhân viên kinh doanh cung cấp cho

khách số tài khoản của công ty S1 để khách thanh toán bằng cách nộp tiền vào tài khoản của công ty. Trong trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền mặt lúc giao hàng thì trong vòng 24 giờ nhân viên kinh doanh phải nộp về cho Công ty. Ngoài ra, nhân viên kinh doanh cũng có thể trực tiếp cầm giấy giới thiệu của công ty đến thu tiền nợ của khách nhưng phải được sự phân công của công ty.

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2017, N đã nhiều lần yêu cầu công ty xuất hàng để giao cho khách sau đó thu tiền mặt hoặc yêu cầu khách hàng chuyển khoản trực tiếp vào số tài khoản cá nhân của N nhưng không nộp về công ty và chiếm đoạt số tiền 234.648.000 đồng do 12 khách hàng thanh toán cho Công ty S1 như sau:

1) Vào ngày 13/02/2017, N giao hàng cho anh Phú Văn V, chủ cửa hàng T5, địa chỉ: F A, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và thu tiền mặt ngay sau khi giao hàng, chiếm đoạt 19.740.000 đồng.

2) Vào ngày 08/3/2017, N giao hàng cho anh Hồ Minh C1, chủ cửa hàng V1, địa chỉ: Số C Quốc lộ B, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 27/3/2017, N thu tiền mặt do anh C1 thanh toán, chiếm đoạt 36.000.000 đồng.

3) Vào ngày 23/3/2017, N giao hàng cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q, chủ cửa hàng Đ, địa chỉ: 1 B, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 04/4/2017, N thu tiền mặt do chị Q thanh toán, chiếm đoạt 23.970.000 đồng.

4) Vào ngày 20/02/2017, N giao hàng cho Công ty H4, địa chỉ: số A K, Phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 04/4/2017, N thu tiền mặt do chị Lý Ngọc G – kế toán Công ty H4 thanh toán, chiếm đoạt 8.280.000 đồng

5) Vào ngày 07/3/2017, Công ty H5, địa chỉ: A T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đặt hàng của Công ty S1 nhưng gửi hàng ở Công ty S1, khi nào cần sẽ nhận hàng sau và được N yêu cầu đặt cọc 10.000.000 đồng. Đến ngày 31/3/2017, N tiếp tục đến Công ty H5 thu số tiền hàng còn lại là 29.600.000 đồng và được anh Nguyễn Minh H1 – nhân viên công ty thanh toán đủ. Tổng số tiền N chiếm đoạt là 39.600.000 đồng

6) Vào ngày 22/12/2016, N giao hàng cho Công ty H6, địa chỉ: A L, khu phố F, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và được chị Nguyễn Thị Thanh D – kế toán công ty thanh toán 17.096.000 đồng sau đó chiếm đoạt.

7) Vào ngày 03/4/2017, N giao hàng cho anh Huỳnh Thanh P, chủ Hộ kinh doanh Huỳnh Ngọc P1, địa chỉ: F đường C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Cùng ngày, N yêu cầu anh P chuyển khoản tiền hàng vào tài khoản ngân hàng của N, chiếm đoạt 5.840.000 đồng

8) Vào ngày 12/4/2017, N giao hàng cho chị Tôn Thanh T1, chủ cửa hàng M, địa chỉ: F L, Phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 14/04/2017, N yêu cầu chị T1 chuyển khoản tiền hàng vào tài khoản ngân hàng của N, chiếm đoạt 8.372.000 đồng

9) Vào ngày 13/4/2017, N giao hàng cho chị Phan Thị Thùy T2, chủ hộ kinh doanh cửa hàng P2, địa chỉ: H P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Cùng ngày, N yêu cầu chị T2 chuyển khoản tiền hàng vào tài khoản ngân hàng của N, chiếm đoạt 48.580.000 đồng

10) Vào ngày 07/3/2017, N giao hàng cho anh Nguyễn Phước H2, chủ cửa hàng Q1, địa chỉ: A H, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Đến ngày 22/3/2017, N yêu cầu anh H2 chuyển khoản tiền hàng vào tài khoản ngân hàng của N, chiếm đoạt 8.028.000 đồng

11) Vào ngày 22/3/2017, N giao hàng cho anh Phạm T3, chủ cửa hàng P2, địa chỉ: D B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và thu tiền mặt ngay sau khi giao hàng, chiếm đoạt 14.242.000 đồng

12) Vào ngày 11/4/2017, N giao hàng cho anh Đặng Xuân H3, chủ cửa hàng V2, địa chỉ: B N, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và thu tiền mặt ngay sau khi giao hàng, chiếm đoạt 4.900.000 đồng.

Tổng số tiền Lâm Phước N đã chiếm đoạt của Công ty S1 là 234.648.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được N đã sang Campuchia để đánh bạc hết, không có khả năng bồi thường, khắc phục hậu quả nên đến tháng 4/2017, N tự ý nghỉ việc tại công ty và bỏ đi sinh sống ở nhiều nơi.

Vật chứng:

- 01 đơn xác nhận hạnh kiểm của Lâm Phước N, có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016.

- 01 đơn xin việc có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016

- 01 Sơ yếu lý lịch có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016

- 16 tờ giấy giới thiệu có chữ ký đứng tên Đỗ Thị H, có hình dấu của Công ty TNHH S1 (MSDN: 0312321217) lần lượt đề ngày 15/3/2017, 16/3/2017, 21/3/2017, 27/3/2017, 30/3/2017, 31/3/2017, 01/4/2017, 04/4/2017, 05/4/2017, 07/4/2017, 10/4/2017, 10/4/2017, 11/4/2017, 11/4/2017, 11/4/2017, 13/4/2017.

- 20 tờ hóa đơn bán hàng của Công ty TNHH S1

- 01 bản chính hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH S1 với Lâm Phước N.

Các vật chứng trên hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án.

Về phần dân sự: Lâm Phước N đã trả cho chị Đỗ Thị H số tiền 20.000.000 đồng nên chị H yêu cầu được bồi thường số tiền còn lại là 310.078.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 98/CT-VKSQ.TP ngày 16 tháng 04 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP . đã truy tố bị cáo Lâm Phước N về tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên Tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP . giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 3 Điều 175; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lâm Phước N từ 06 năm đến 07 năm tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề cập xử lý phần dân sự và vật chứng.

- Bị cáo Lâm Phước N đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lâm Phước N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ để xác định: Từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2017, Lâm Phước N là nhân viên của Công ty TNHH S1 được giao nhiệm vụ bán hàng cho khách và thu tiền nhưng không nộp về công ty mà bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền 234.648.000 đồng.

Cáo trạng số 98/CT-VKSQ.TP ngày 16 tháng 04 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP . đã truy tố bị cáo Lâm Phước N về tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần thiết xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] *Tình tiết tăng nặng*: bị cáo phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] *Tình tiết giảm nhẹ*: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho người bị hại; các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] - Đối với hành vi đánh bạc ngoài lời khai của Lâm Phước N không còn chứng cứ nào khác để điều tra nên Cơ quan điều tra không xử lý về tội đánh bạc là có cơ sở.

- Đối với khách hàng cửa hàng ván gỗ T, địa chỉ: 3 Ấp Đ, Xã T, huyện H; Lâm Phước N thừa nhận đã thu số tiền 16.400.000 do khách thanh toán sau đó chiếm đoạt. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa chỉ không còn cửa hàng trên hoạt động nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được.

- Đối với 03 khách hàng bao gồm: Cửa hàng T6, Cửa hàng T7, Cửa hàng vật tư quảng cáo Thuận V mà công ty S1 tố cáo Lâm Phước N thu tiền của khách sau đó không nộp về Công ty. Qua làm việc đại diện Cửa hàng T6 cho biết không còn lưu giữ sổ sách, hóa đơn chứng từ nên không xác định có mua hàng của công ty S1 hay không. Đối với Cửa hàng T7, Cửa hàng vật tư quảng cáo Thuận V xác minh tại địa chỉ không có 02 cửa hàng trên hoạt động nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Nguyên khai do thời gian đã lâu nên không nhớ có thu tiền của những khách này hay không do đó chưa có cơ sở để xử lý.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Lâm Phước N đã trả cho chị Đỗ Thị H số tiền 20.000.000 đồng, nên chị H yêu cầu được bồi thường số tiền còn lại là: 310.078.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị H. Xét việc thỏa thuận bồi thường giữa chị H và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] *Về xử lý vật chứng*:

- Đối với: 01 đơn xác nhận hạnh kiểm của Lâm Phước N, có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016; 01 đơn xin việc có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016; 01 sơ yếu lý lịch có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016; 16 tờ giấy giới thiệu có chữ ký đứng tên Đỗ Thị H, có hình dấu của Công ty TNHH S1 (MSDN: 0312321217) lần lượt đề ngày 15/3/2017, 16/3/2017, 21/3/2017, 27/3/2017, 30/3/2017, 31/3/2017, 01/4/2017, 04/4/2017, 05/4/2017, 07/4/2017, 10/4/2017, 10/4/2017, 11/4/2017, 11/4/2017, 11/4/2017, 13/4/2017; 20 tờ hóa đơn bán hàng của Công ty TNHH S1; 01 bản chính hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH S1 với Lâm Phước N. Cần lưu hồ sơ vụ án.

[9] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí 200.000 đồng hình sự sơ thẩm và 15.504.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: bị cáo Lâm Phước N phạm tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

[2] Áp dụng: khoản 3 Điều 175; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xử phạt: bị cáo Lâm Phước N 06 (S) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 21/11/2023.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Buộc bị cáo Lâm Phước N phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH S1 số tiền: 310.078.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[6] *Về xử lý vật chứng*: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- *Lưu hồ sơ vụ án*: 01 đơn xác nhận hạnh kiểm của Lâm Phước N, có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016; 01 đơn xin việc có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016; 01 sơ yếu lý lịch có chữ viết và chữ ký đứng tên Lâm Phước N đề ngày 17/8/2016; 16 tờ giấy giới thiệu có chữ ký đứng tên Đỗ Thị H, có hình dấu của Công ty TNHH S1 (MSDN: 0312321217) lần lượt đề ngày 15/3/2017, 16/3/2017, 21/3/2017, 27/3/2017, 30/3/2017, 31/3/2017, 01/4/2017, 04/4/2017, 05/4/2017, 07/4/2017, 10/4/2017, 10/4/2017, 11/4/2017, 11/4/2017, 11/4/2017, 13/4/2017; 20 tờ hóa đơn bán hàng của Công ty TNHH S1; 01 bản chính hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH S1 với Lâm Phước N.

[7] *Về án phí*: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo Lâm Phước N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.504.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo Lâm Phước N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo;

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Phú**;**
- THADS quận Tân Phú;
- Công an Q.Tân Phú;
- CATP. HCM;
- Sở Tư pháp TP . HCM;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Thành